

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-PT
Ngày 23 - 01 - 2019
V/v: “Y/c bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện
Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm
Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Ông Nguyễn Hồ Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DSST ngày 24-10-2018 của Tòa án nhân dân thành phố-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2019/QĐPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2019/QĐTT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Kỳ Ph, sinh năm 1932

Địa chỉ: Số 5/48 TK, phường Z, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Địa chỉ: Số 04 TH, phường z, Tp X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Viết Th - Giám đốc (xin vắng mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1978 - Địa chỉ 54 TP, phường 5, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn CTh, sinh năm 1982 - Địa chỉ: 11B Chi Lăng, phường Z2, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt)

3.3. Bà Nguyễn TA, sinh năm: 1956 - Địa chỉ: 6/4/5 LNH, phường Z, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt)

3.4. Bà Phan TT, sinh năm 1953 - Địa chỉ: Số 54/2 TP, phường 5, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Kỳ Ph trình bày:

Trước năm 1975 gia đình Ông sinh sống tại khu đất ở địa chỉ số 64 Lê V, phường SM (nay là số 54 TP, phường 5), thành phố X. Sau giải phóng, do hoàn cảnh lịch sử nên gia đình Ông định cư ở nước ngoài, chỉ còn mẹ ở lại phần đất này. Năm 1978 khi mẹ Ông mất đã được chôn tại đây.

Ngày 13/11/2008, theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho thuê 6.898m² đất bao gồm cả phần đất trước giải phóng gia đình Ông đã sử dụng .

Ngày 24/6/2011, mộ mẹ Ông bị di dời mà không có sự thông báo đến gia đình. Sau quá trình khiếu nại, tố cáo, đấu tranh Ông đã đưa tro cốt của mẹ về an táng lại tại khu đất này. Để có chỗ trú mưa nắng khi về thăm mộ mẹ, Ông thuê người lợp mái tole trên căn nhà cũ trước đây mẹ Ông đã ở (căn nhà này gần với phần mộ của mẹ). Ngày 10/8/2016 mái tole lợp hoàn chỉnh. Tháng 9/2016 khi Ông đến thăm mộ mẹ thì mái tole đã bị tháo dỡ.

Trước khi mái tole bị dỡ, Ông đã nghe thông tin nếu Ông không tự dỡ mái tole thì sẽ có người của Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đến dỡ mái tole. Tuy không có chứng cứ về việc Công ty TNHH Dịch vụ DL Bà Rịa-Vũng Tàu cho người tháo dỡ mái tole nhưng việc để mái tole bị tháo dỡ là trách nhiệm của phía Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vì phần đất này đang thuộc sự quản lý của Công ty TNHH Dịch vụ DL.

Tổng số tiền Ông đã bỏ ra để mua mái tole và công lắp đặt mái là 21.600.000đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm ngàn đồng), nhưng Ông chỉ yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Đại diện bị đơn trình bày:

Ông Ph tự ý cho người đến lợp mái tole trên phần đất Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu được nhà nước cho thuê. Do dự án chưa khởi công nên Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu không cử bảo vệ, canh giữ khu đất này. Vì vậy, Ông Ph cho rằng Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường phần mái tole bị mất là không hợp lý.

Khi Ông Ph yêu cầu Công ty bồi thường, thể hiện thiện chí, Công ty có đề xuất sẽ đề nghị đơn vị liên doanh sau này trích tiền từ dự án hỗ trợ cho Ông. Còn hiện tại, Công ty không có nguồn kinh phí nào hỗ trợ cả.

Việc Ông Ph yêu cầu Công ty bồi thường là không có căn cứ, đề nghị Tòa căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Anh N: Ông không phải là người của Công ty TNHH Dịch vụ DL. Ông ở nhờ trên khu đất này khoảng 12 năm nay. Từ khi Ông ở tới nay không thấy có ai trông coi phần đất này. Ông không biết ai tháo dỡ mái tole Ông Ph đã lợp.

2. Ông Nguyễn CTh: Ông là chủ cơ sở cơ khí NT. Tháng 8/2016, Ông nhận thi công mái tole cho Ông Ph bao gồm 54m² tole, đòn tay 18 cây, sắt vì kèo 4 cái, cột sắt phi 60 kèm 8 cây và tole lợp màu xanh ngọc với tổng tiền hàng và thi công là 21.600.000đ. Trong quá trình thi công không có cơ quan hoặc cá nhân nào đến ngăn cản việc Ông thi công. Ông đã nhận đủ tiền 21.600.000đ từ Ông Ph.

3. Bà Nguyễn TA: Bà chở Ông Ph đi lại trong quá trình Ông Ph giám sát người dựng mái tole. Bà không chứng kiến việc mái tole bị dỡ nhưng trước đó có người tự xưng là người của Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nói nếu Ông Ph không dỡ mái tole thì ông Thành Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sẽ cho người dỡ. Người nói chuyện đó tên là gì, ở đâu thì Bà không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DSST ngày 24-10-2018 của Tòa án nhân dân thành phố X đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kỳ Ph về việc yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có nghĩa vụ bồi thường 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/10/2018, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung: Không đồng ý với kết quả bản án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Các đương sự và người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ điều 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt họ.

+ Về nội dung vụ án: Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tháo dỡ mái tole do Ông Ph thuê người lợp mái nhà cũ trên đất của Cty thuê và cũng không chứng minh được Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cam kết có trách nhiệm bảo quản tài sản là mái tole của Ông Ph. Công ty không có lỗi trong việc mái tole của Ông bị mất. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Ph là phù hợp, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Ông Ph, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về áp dụng pháp luật: Tranh chấp giữa ông Trần Kỳ Ph và Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát sinh năm 2016, là thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết vụ án.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền giá trị của mái tole bị phía bị đơn tháo dỡ, nên xác định quan hệ tranh chấp là "Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Chương XXI của Bộ luật dân sự năm 2005. Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn, những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có "Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt", căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu kháng cáo:

Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Nhận thấy, Ông Ph cung cấp “Bảng chiết tính” của cơ sở Cơ khí NT với tổng số tiền mua mái tole, đòn tay sắt kẽm; vì kèo sắt kẽm, thả sương vì kèo, cột sắt, tole lợp, với tổng tiền hàng và thi công là 21.600.000 đồng để yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho Ông số tiền tính tròn số là 20.000.000 đồng.

Tuy nhiên, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/7/2018 trên đất có 01 căn nhà cấp 4 gồm 03 căn phòng trống, không có mái lợp. Người làm chứng là ông Nguyễn Anh N khai từ 12 năm nay không có ai trông coi phần đất này. Phần lời khai của ông N trùng khớp với ý kiến của Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc từ khi được giao thuê đất do chưa đầu tư xây dựng nên Công ty chưa cử người quản lý, trông coi đất.

Như vậy, sau khi Ông Ph thuê người lợp mái tole thì không quản lý, trông coi phần tài sản này của mình, chỉ khi ghé thăm mộ mới phát hiện ra bị mất mái tole. Ông Ph đã không thực hiện quyền tự bảo vệ tài sản của mình theo quy định tại Điều 169 và Điều 255 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Ông Ph không cung cấp được chứng cứ về việc Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cho người tháo dỡ phần mái tole mà ông đã lợp. Ông cũng không cung cấp được chứng cứ là bản hợp đồng hoặc có sự đồng ý, thỏa thuận, cam kết về việc Công ty TNHH Dịch vụ DL sẽ có trách nhiệm bảo quản, canh giữ mái tole Ông đã lợp trên phần đất của Công ty đang được giao quản lý và cũng không cung cấp được chứng cứ là người của Công ty TNHH Dịch vụ DL đã tháo dỡ mái tole của Ông.

Việc người làm chứng của Ông Ph là bà TA cho rằng: Bà không chứng kiến việc mái tole bị dỡ nhưng trước đó có người tự xưng là người của Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nói nếu Ông Ph không dỡ mái tole thì ông Thành Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sẽ cho người dỡ. Người nói chuyện đó tên là gì, ở đâu thì Bà không biết.

Xét thấy, lời trình bày của bà TA là không có cơ sở vững chắc để khẳng định người nói chuyện với Bà là người của Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà không cung cấp được họ, tên, địa chỉ của người này để Tòa án triệu tập họ tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng và thực hiện việc đối chất làm rõ nội dung Bà đã nêu, nên không chấp nhận lời trình bày của bà TA.

Do Ông Ph không chứng minh được lỗi của Công ty TNHH Dịch vụ DL trong việc mái tole của Ông bị mất nên căn cứ quy định tại Điều 604 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì yêu cầu của Ông Ph là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Ph phải chịu toàn bộ án phí. Tuy nhiên, Ông Ph có đơn yêu cầu miễn án phí do là người cao tuổi. Căn cứ vào quy

định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn toàn bộ án phí sơ thẩm 1.000.000 đồng và án phí phúc thẩm 300.000 đồng cho Ông Ph.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 70/2018/DSST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X.

- Căn cứ Điều 604 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ vào quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kỳ Ph về việc yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ DL tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có nghĩa vụ bồi thường 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền thiệt hại về tài sản.

[2] Về án phí dân sự:

[2.1] Miễn án phí sơ thẩm 1.000.000 đồng cho ông Trần Kỳ Ph. Hoàn trả lại 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí cho Ông Ph theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000274 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

[2.2] Miễn án phí phúc thẩm 300.000 đồng cho ông Trần Kỳ Ph. Hoàn trả lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí cho ông Trần Kỳ Ph theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005814 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 23/01/2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP. X;
- THADS Tp. X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Ngọc Thiện